

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu, chi ngân sách địa phương huyện Sốp Cộp năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP
KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 08/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019;

Xét tờ trình số 5114 /TTr-UBND ngày 05/12/2018 của UBND huyện Sốp Cộp về đề nghị phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện, đại biểu HĐND huyện khóa III thảo luận và thống nhất tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán ngân sách huyện Sốp Cộp năm 2019, như sau:

I. Tổng thu ngân sách địa phương năm 2019:	490.209 triệu đồng.
1. Thu ngân sách trên địa bàn:	62.000 triệu đồng.
- Thu điều tiết ngân sách trung ương:	1.129 triệu đồng.
- Thu điều tiết ngân sách tỉnh:	3.750 triệu đồng.
- Thu điều tiết ngân sách huyện:	55.458 triệu đồng.
- Thu điều tiết ngân sách xã:	1.663 triệu đồng.
2. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh:	415.359 triệu đồng.
3. Nguồn chuyển nguồn 2018 sang năm 2019:	12.500 triệu đồng.
4. Các khoản ghi thu qua NSNN	350 triệu đồng.

II. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2019:	485.330 triệu đồng.
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản:	31.148 triệu đồng.
- Chi đầu tư từ nguồn thu CQSD đất:	20.400 triệu đồng.
- Chi xây dựng cơ bản tập trung:	10.748 triệu đồng.
2. Chi chương trình mục tiêu quốc gia:	87.900 triệu đồng.
3. Chi thường xuyên:	365.932 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp kinh tế:	13.986 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp giáo dục:	202.452 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp y tế:	7.685 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp truyền thông - văn hoá:	4.814 triệu đồng.
- Chi đảm bảo xã hội:	16.066 triệu đồng.
- Chi quản lý hành chính:	88.125 triệu đồng.
- Chi Trung tâm bồi dưỡng chính trị:	1.651 triệu đồng.
- Chi an ninh - quốc phòng:	8.693 triệu đồng.
- Chi khác ngân sách:	550 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách:	7.140 triệu đồng.
- Chi từ tăng thu NS năm 2019:	2.000 triệu đồng.
- Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2018 sang:	12.500 triệu đồng.
4. Các khoản chi qua NSNN:	350 triệu đồng

(Có phụ lục kèm theo)

III. Giải pháp để thực hiện có hiệu quả dự toán ngân sách năm 2019

1. Thu ngân sách

- Thực hiện quản lý thu ngân sách theo đúng quy định của Luật ngân sách 2015, đúng chính sách, chế độ hiện hành; tổng hợp đầy đủ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào NSNN. Tập trung chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước. Tăng cường phân cấp quản lý thu, ủy nhiệm thu cho xã nhằm nâng cao trách nhiệm và tạo tính chủ động, tích cực của cấp chính quyền cơ sở trong quản lý các khoản thu phát sinh trên địa bàn.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp thu ngân sách, phấn đấu số thu trên địa bàn năm 2019 (không kể thu tiền sử dụng đất) tăng 5,5% so với dự toán UBND tỉnh giao.

- Thực hiện điều hành nhiệm vụ thu ngân sách đảm bảo nguyên tắc: tích cực, vững chắc và sát với nguồn thu phát sinh, tăng thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và thu từ đầu giá quyền sử dụng đất; thực hiện tốt các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, bồi dưỡng nguồn thu ngân sách ổn định và bền vững, tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chi ngân sách

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện trong tất cả các khâu: Lập thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí ngân sách, kiểm toán ngân sách; Đảm bảo nguyên tắc: Dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý tài chính - ngân sách. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán thực hiện quyền quyết định chi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định chi ngân sách của mình theo Điều 8 của Luật ngân sách nhà nước.

- Thực hiện nghiêm quy định của Luật đầu tư công, dự toán chi đầu tư phát triển đảm bảo phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019.

- Chấn chỉnh công tác lập dự án, bố trí kế hoạch vốn, quản lý đầu tư, khắc phục bố trí vốn dàn trải và các dự án kéo dài. Rà soát và có biện pháp nâng cao năng lực thi công, đảm bảo chất lượng công trình các nhà thầu. Triển khai thực hiện tốt quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, chuẩn bị mặt bằng xây dựng; bố trí kinh phí thực hiện đường giao thông nông thôn theo NQ 115 (Nghị quyết 77), kinh phí hỗ trợ nhà ở người có công, bố trí kinh phí công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013.

- Đối với dự toán chi thường xuyên: Căn cứ tổng dự toán chi ngân sách của từng lĩnh vực đã được HĐND huyện quyết nghị; UBND huyện quyết định giao chi tiết cho các đơn vị các cấp ngân sách theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước; đảm bảo theo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 áp dụng thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, gắn với lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính; khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, tinh giản biên chế nhanh hơn lộ trình để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

- Các cấp ngân sách tổ chức điều hành linh hoạt, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được UBND tỉnh giao, cân đối đủ nguồn vốn thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND huyện và các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2019: Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn, kinh phí thực hiện chế độ đối với cán bộ, công chức theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương từ 1.390.000 đồng/tháng lên 1.490.000 đồng, lương hưu và trợ cấp ưu đãi đối với người có công...

- Thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế về kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước

và các đơn vị thực hiện theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 14/02/2016 của Chính phủ. Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính và biên chế đối với các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

- Đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao ở những vùng, địa bàn có điều kiện theo tinh thần Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước. Thực hiện công khai tình hình quản lý, sử dụng ngân sách của các cấp, các ngành và các đơn vị dự toán. Tập trung vào các nội dung theo chỉ đạo của Chính phủ: mua sắm, sửa chữa tài sản, sử dụng ô tô; sử dụng trụ sở, chi tiếp khách, hội nghị, sử dụng xăng dầu, điện chiếu sáng... Các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán phải thực hiện tiết kiệm tối thiểu 10% chi thường xuyên (không bao gồm tiền lương và các khoản có tính chất lương) để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định của Chính phủ.

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoạt động tài chính của các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán. Tăng cường công tác tự kiểm tra, công tác giám sát cộng đồng nhân dân nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp ngân sách, chủ tài khoản các đơn vị dự toán trong công tác quản lý, điều hành ngân sách và thực hiện các dự án đầu tư; Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các dự án sau đầu tư.

- Thực hiện tốt Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18/8/2006 của Chính phủ về quy định bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 và Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ về quy định trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các ban, các tổ đại biểu HĐND các vị đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Sốp Cộp khoá III, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 13/12/2018 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại huyện;
- Sở Tài chính;
- TT Huyện uỷ;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các xã;
- Lưu: VT (hồ sơ kỳ họp), 100 bản. ✓

CHỦ TỊCH



Quàng Văn Tiêu

PHỤ LỤC 01
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019
(Kèm theo Nghị quyết số: 85/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND huyện Sốp Cộp)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán tỉnh giao năm 2019	Dự toán huyện năm 2019	So sánh DT 2019 với DT 2018	
						Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	3	4 =3-1	5=3/1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	424.506.735	582.413.831	469.859.000	490.209.000	65.702.265	115%
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	56.000.000	70.523.100	54.500.000	62.000.000	6.000.000	111%
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	14.160.000	16.277.300	13.750.000	15.315.000	1.155.000	108%
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	41.840.000	54.245.800	40.750.000	46.685.000	4.845.000	112%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	367.640.000	435.893.900	415.359.000	415.359.000	47.719.000	113%
-	Thu bổ sung cân đối	315.191.000	315.191.000	327.459.000	327.459.000	12.268.000	104%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	52.449.000	117.865.900	87.900.000	87.900.000	35.451.000	
-	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên		2.837.000				
III	Các khoản ghi thu qua ngân sách	400.000	400.000		350.000	(50.000)	88%
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	466.735	75.596.831	-	12.500.000	12.033.265	2678%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	424.036.735	550.193.641	465.805.000	485.330.000	61.293.265	114%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	371.587.735	487.357.641	377.905.000	397.430.000	25.842.265	107%
1	Chi đầu tư phát triển	32.201.000	35.201.000	26.473.000	31.148.000	(1.053.000)	97%
-	Từ nguồn thu cấp quyền SD đất	21.500.000	20.500.000	15.725.000	20.400.000	(1.100.000)	95%
-	Chi xây dựng cơ bản tập trung	10.701.000	14.701.000	10.748.000	10.748.000	47.000	100%
2	Chi thường xuyên	328.577.735	366.150.810	340.202.000	354.702.000	26.124.265	108%
3	Dự phòng ngân sách	6.589.000	6.589.000	7.410.000	7.410.000	821.000	112%
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	3.820.000	3.820.000	3.820.000	3.820.000	-	100%
5	Các khoản chi quản lý qua ngân sách	400.000			350.000	(50.000)	88%
6	Chi từ nguồn chuyển nguồn		75.596.831				
II	Chi các chương trình mục tiêu	52.449.000	62.836.000	87.900.000	87.900.000	35.451.000	
1	Chương trình MTQG 30a	29.527.000	29.527.000	58.921.000	58.921.000	29.394.000	200%
+	Vốn đầu tư			58.921.000	58.921.000	58.921.000	
+	Vốn sự nghiệp					-	
2	Chương trình MTQG 135	11.661.000	11.661.000	9.179.000	9.179.000	(2.482.000)	79%
+	Vốn đầu tư			9.179.000	9.179.000	9.179.000	
+	Vốn sự nghiệp					-	
3	Chương trình MTQG Nông thôn mới	11.261.000	14.643.000	19.800.000	19.800.000	8.539.000	176%
4	CTMT khác		7.005.000				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					-	

PHỤ LỤC 02

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND huyện Sốp Cộp)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2018	Ước thực hiện năm 2018		Dự toán năm 2019		So sánh (%)	
			Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	56.000.000	70.523.100	63.444.651	62.000.000	60.721.000	88%	96%
I	Thu nội địa	56.000.000	70.523.100	63.444.651	62.000.000	60.721.000	88%	96%
1	Khu vực DNNN Trung ương				-	-		
2	Khu vực DNNN địa phương	150.000	181.000	126.000	150.000	150.000		
3	Khu vực DN có vốn ĐTNN		-	-	-	-		
4	Xổ số kiến thiết		-	-	-	-		
5	Khu vực CTN và dịch vụ NQD	27.500.000	26.915.000	26.915.000	30.920.000	30.920.000	115%	115%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.000.000	1.957.455	1.957.455	2.000.000	2.000.000	102%	102%
	- Thuế giá trị gia tăng	15.600.000	15.268.145	15.268.145	18.305.000	18.305.000	120%	120%
	- Thuế tài nguyên	9.900.000	9.689.400	9.689.400	10.615.000	10.615.000	110%	110%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		-	-	-	-		
	- Thuế môn bài		-	-	-	-		
	- Thu khác				-	-		
6	Thuế thu nhập cá nhân	700.000	947.000	947.000	900.000	900.000	95%	95%
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-	-		-		
8	Thu tiền sử dụng đất	21.500.000	36.387.800	31.687.800	24.000.000	24.000.000	66%	76%
9	Thuế sử dụng đất PNN			-		-		
10	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	10.000	24.000	24.000	29.000	29.000	121%	121%
11	Thu tiền bán nhà thuộc SHNN	1.000.000		-	400.000	400.000		
12	Thuế bảo vệ môi trường		-	-		-		
13	Lệ phí trước bạ	1.300.000	1.837.000	1.837.000	1.900.000	1.900.000	103%	103%
14	Phí - lệ phí tính cân đối ngân sách	600.000	917.000	882.000	878.000	878.000	96%	100%
15	Thu tiền cấp quyền khai thác TN nước	1.000.000	1.726.300	351	1.293.000	388.000	75%	110541%
16	Thu khác ngân sách tính cân đối	2.040.000	1.405.000	842.500	1.480.000	1.106.000	105%	131%
17	Thu tại xã tính, thu hoa lợi công sản	200.000	183.000	183.000	50.000	50.000	27%	27%
18	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		-					
19	Thu lợi nhuận còn lại (100% NSĐP)		-					
II	Thu cổ tức và lợi nhuận còn lại		-		-			
	- Cổ tức		-					
	- Lợi nhuận còn lại		-					

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019
(Kèm theo Nghị quyết số: 85/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND huyện Sốp Cộp)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	424.036.735	485.330.000	61.293.265	114%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	371.587.735	397.430.000	25.842.265	107%
I	Chi đầu tư phát triển (1)	32.201.000	31.148.000	(1.053.000)	97%
1	Chi đầu tư cho các dự án	32.201.000	31.148.000	(1.053.000)	97%
-	Từ nguồn thu cấp quyền SD đất	21.500.000	20.400.000	(1.100.000)	95%
-	Chi xây dựng cơ bản tập trung	10.701.000	10.748.000	47.000	100%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			-	
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	328.577.735	354.702.000	26.124.265	108%
	<i>Trong đó:</i>			-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	183.812.000	204.103.000	20.291.000	111%
2	Chi khoa học và công nghệ (2)			-	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			-	
V	Dự phòng ngân sách	6.589.000	7.410.000	821.000	112%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	3.820.000	3.820.000	-	100%
VII	Các khoản chi quản lý qua ngân sách	400.000	350.000	(50.000)	88%
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	52.449.000	87.900.000	35.451.000	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	52.449.000	87.900.000	35.451.000	
-	Chương trình MTQG 30a	29.527.000	58.921.000	29.394.000	
+	Vốn đầu tư	-	58.921.000	58.921.000	
+	Vốn sự nghiệp	-	-	-	
-	Chương trình MTQG 135	11.661.000	9.179.000	(2.482.000)	
+	Vốn đầu tư	-	9.179.000	9.179.000	
+	Vốn sự nghiệp	-	-	-	
-	Chương trình MTQG Nông thôn mới	11.261.000	19.800.000	8.539.000	
+	Vốn đầu tư	-	-	-	
+	Vốn sự nghiệp	-	-	-	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			-	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			-	